TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH HÀ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04 tháng 4 năm 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huệ

Các H thẩm nhân dân: Ông Dương Kim Hồng và ông Bùi Bá Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm. Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại H trường xét xử Toà án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09/02/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện T, tỉnh H. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn V, xã Th, huyện T, tỉnh H. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Sỹ T kết hôn với nhau vào ngày 28/3/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều quan điểm trái ngược nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh con và tự chăm sóc nuôi dưỡng con chung từ cuối năm 2008 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/3/2009. Chị H yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Sỹ T trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Sỹ T khẳng định vợ chồng kết hôn năm 2008, hôn nhân tự nguyện hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch Trị. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T đã cố gắng níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng chị H không chấp nhận. Nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/3/2009. Anh cũng nhất trí với yêu cầu của chị H giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về T sản chung*: Không yêu cầu tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Gia B cũng có đơn nguyện vọng được ở với mẹ.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa*:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời các T liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án; có bản tự khai thể hiện đầy đủ ý kiến của mình về các vấn đề liên quan của vụ án. Bị đơn không đến làm việc trực tiếp tại Tòa án nhưng đã có đơn xin vắng mặt, bản tự khai thể hiện đầy đủ ý kiến của mình; việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đủ căn cứ giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H xử:

+ Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H xin được ly hôn anh Nguyễn Sỹ T;

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/3/2009 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

+ Về T sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét;

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có mặt và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn mặc dù không đến trực tiếp Tòa án để làm việc nhưng đã có đơn xin vắng mặt, bản tự khai thể hiện đầy đủ ý kiến của mình; việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin vắng mặt. Do đó, đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Sỹ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ 14 năm nay nên chị Nguyễn Thị H kiên quyết xin ly hôn. Anh T mặc dù không có mặt tại Tòa án để làm việc nhưng qua bản tự khai, anh cũng thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, chị H làm đơn ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy rằng điều kiện để xây dựng gia đình hạnh phúc phải xuất phát từ hai phía. Mặt khác, trên thực tế vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, thiếu tình cảm yêu thương và trách nhiệm trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Sỹ T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/3/2009. Chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Cháu Nguyễn Gia B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Qua bản tự khai, anh Nguyễn Sỹ T cũng đồng ý với yêu cầu của chị H. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng quy định.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về T sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là người khởi kiện nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm thep quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235; Điều 266 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 57; 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Sỹ T.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/3/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh Nguyễn Sỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0009957, ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh)

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Sỹ T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà (để xóa đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Huệ

H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC H THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Bá Sơn Dương Kim Hồng Lê Thị Thanh Huệ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THA Dân sự huyện Thạch Hà;
- UBND xã Thạch Trị (để xóa đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;

TM. H ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Thị Thanh Huệ